



DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.14.07S.2025.1698>

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO HỌC SINH CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ Ở XÃ HỒ TRÀM, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ngô Thị Ánh^{1,2*} và Nguyễn Minh Tuấn³

¹*Học viên cao học, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam*

²*Trường Trung học cơ sở Chu Văn An, Việt Nam*

³*Phòng Quản lý đào tạo, Trường Đại học Kỹ Thuật - Công nghệ Cần Thơ, Việt Nam*

**Tác giả liên hệ, Email: ngothianhcva@gmail.com*

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 13/11/2025; Ngày nhận chỉnh sửa: 21/11/2025; Ngày duyệt đăng: 05/12/2025

Tóm tắt

Bài báo này tập trung phân tích thực trạng quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh các trường trung học cơ sở ở xã Hồ Tràm, thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu sử dụng phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi thang đo Likert 5 mức, kết hợp phân tích thống kê mô tả để đánh giá hiệu quả quản lý thông qua kết quả khảo sát 51 cán bộ quản lý, giáo viên ở 3 trường trung học cơ sở trên địa bàn. Kết quả cho thấy quản lý hoạt động giáo dục đạo đức đã đạt được một số kết quả tích cực, đặc biệt ở việc duy trì nề nếp, kỷ luật và hình thành các phẩm chất đạo đức cơ bản cho học sinh. Tuy nhiên, còn tồn tại những hạn chế về kế hoạch hoạt động giáo dục đạo đức, phương pháp và hình thức tổ chức các hoạt động, công tác kiểm tra, đánh giá, sự phối hợp nhà trường, gia đình và xã hội. Nhìn chung, công tác quản lý hoạt động giáo dục đạo đức đã có mặt tích cực nhưng vẫn có những hạn chế cần điều chỉnh để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của các nhà trường trong thời gian tới.

Từ khóa: *Giáo dục đạo đức, học sinh trung học cơ sở, quản lý, xã Hồ Tràm.*

Trích dẫn: Ngô, T. Á., & Nguyễn, M. T. (2025). Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh các trường trung học cơ sở ở xã Hồ Tràm, Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 14(07S), 18-32. <https://doi.org/10.52714/dthu.14.07S.2025.1698>

Copyright © 2025 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

CURRENT STATUS OF MANAGING MORAL EDUCATION ACTIVITIES FOR STUDENTS OF SECONDARY SCHOOLS IN HO TRAM COMMUNE, HO CHI MINH CITY

Ngô Thị Anh^{1,2*} và Nguyễn Minh Tuấn³

¹*Postgraduate, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

²*Chu Van An Secondary School, Vietnam*

³*Department of Training Management, Can Tho University of Technology, Vietnam*

**Corresponding author, Email: ngothianhcva@gmail.com*

Article history

Received: 13/11/2025; Received in revised form: 21/11/2025; Accepted: 05/12/2025

Abstract

This article focuses on analyzing the current status of moral education management for students in secondary schools in Ho Tram Commune, Ho Chi Minh City. The study uses a 5-level Likert scale questionnaire, combined with descriptive statistical analysis to evaluate the effectiveness of management through surveying 51 managers and teachers in 3 secondary schools in the area. The results show that the management of moral education activities has achieved some positive results, especially in maintaining order, discipline and forming basic qualities for students. However, limitations are present in planning moral education activities, methods and forms of organizing activities, inspection and evaluation work, coordination between schools, families and society. In general, the management of moral education activities has had positive aspects but the limitations should be adjusted to contribute to improving the comprehensive education quality of schools in the coming time.

Keywords: *Ho Tram Commune, management, moral education, secondary school students.*

1. Giới thiệu

Trong mục tiêu cụ thể của Nghị quyết số 29/NQ-TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đã khẳng định: “Đối với giáo dục phổ thông, tập trung phát triển trí tuệ, thể chất, hình thành phẩm chất, năng lực công dân, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, định hướng nghề nghiệp cho học sinh. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, ngoại ngữ, tin học, năng lực và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Phát triển khả năng sáng tạo, tự học, khuyến khích học tập suốt đời” (Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 2013).

Tại Điều 2 Luật số 43/2019/QH14 ngày 14/06/2019 của Quốc hội về Luật Giáo dục đã nêu rõ mục tiêu giáo dục như sau: “Mục tiêu giáo dục nhằm phát triển toàn diện con người Việt Nam có đạo đức, tri thức, văn hóa, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp; có phẩm chất, năng lực và ý thức công dân; có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; phát huy tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế” (Quốc hội, 2019)

Trên thực tế, học sinh trung học cơ sở (THCS) ở độ tuổi từ 11 đến 15 tuổi, đang trong quá trình hình thành nhân cách của bản thân nên các em dễ bị tác động bởi môi trường xung quanh, bởi gia đình, bạn bè, mạng xã hội, Do đó, ngoài các mặt tích cực thì vẫn có không ít học sinh sa sút về đạo đức, thiếu kỹ năng sống, còn tình trạng bạo lực học đường, trốn học, vi phạm nội quy, vi phạm pháp luật. Chính vì lẽ đó, việc tăng cường giáo dục đạo đức (GDĐĐ) cho học sinh và quản lý tốt hoạt động GDĐĐ cho học sinh ở các trường THCS trong bối cảnh xã hội có nhiều biến động, trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đáp ứng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 là yêu cầu tất yếu và hết sức cần thiết để học sinh hình thành nhân cách và lối sống tốt góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường.

Trong những năm gần đây, công tác GDĐĐ cho học sinh ở các trường THCS tại xã Hồ Tràm, thành phố Hồ Chí Minh đã đạt được một số kết quả tích cực như thực hiện lồng ghép nội dung GDĐĐ qua các môn học, tổ chức các hoạt động trải nghiệm, tổ chức các hoạt động sinh hoạt tập thể, hoạt động của liên đội. Tuy nhiên, công tác này vẫn còn tồn tại một số hạn chế như nội dung còn mang tính hình thức, phương pháp tổ chức chưa linh hoạt, sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong GDĐĐ học sinh chưa chặt chẽ, việc đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh gần như phó mặc cho giáo viên (GV) chủ nhiệm; đặc biệt vai trò quản lý của cán bộ quản lý (CBQL) nhà trường chưa phát huy hiệu quả rõ nét trong công tác này.

Xuất phát từ những lý do trên, việc nghiên cứu thực trạng quản lý hoạt động GDĐĐ cho học sinh các trường THCS ở xã Hồ Tràm, thành phố Hồ Chí Minh là cần thiết, vừa để nhận diện đúng những kết quả và hạn chế, vừa để xác định nguyên nhân, từ đó đề xuất các biện pháp quản lý khả thi, phù hợp với bối cảnh địa phương.

2. Tổng quan lý thuyết, lược sử nghiên cứu

2.1. Những nghiên cứu ở ngoài nước

GDĐĐ là một nội dung rất quan trọng trong giáo dục toàn diện cho học sinh, đóng góp lớn trong việc tạo ra các thế hệ có đủ năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu đổi mới và phát triển của xã hội. Chính vì vậy, đây cũng là một trong những nội dung nhận được nhiều sự quan tâm trong nghiên cứu ở nhiều nước với nhiều giai đoạn lịch sử và nhiều góc độ khác nhau.

Ở phương đông, Khổng Tử (551-479 TCN) một nhà hiền triết nổi tiếng, ông đề cao GDĐĐ. Trọng tâm trong tư tưởng của Khổng Tử là “Nhân” – lòng thương người, được cụ thể

hoá thành thành các giá trị đạo đức cốt lõi như nhân, lễ, nghĩa, trí, tín; trong đó, việc tu dưỡng đạo đức cá nhân là cái gốc để xây dựng gia đình và xã hội. Ông không chỉ chú trọng về nội dung GDĐĐ mà còn đề cao phương pháp giáo dục bằng nêu gương, đối thoại và phù hợp cho với từng người học. Những tư tưởng của ông mang tính nhân văn sâu sắc và có giá trị lâu dài trong GDĐĐ (Bùi & Nguyễn, 2016).

Tác giả Bùi và Nguyễn (2016), cũng với nghiên cứu “Lịch sử giáo dục thể giới” đã nghiên cứu về nhà triết học Socrate (470-399 TCN), một trong những nhà triết học vĩ đại của nền văn minh Hy Lạp cổ đại, ông là người đặt nền móng cho giáo dục phương Tây. Trọng tâm trong tư tưởng giáo dục của Socrate là việc giúp con người tự nhận thức chân lý thông qua đối thoại và phản biện. Ông khẳng định: “Biết điều thiện sẽ dẫn tới hành vi thiện”, qua đó nhấn mạnh rằng GDĐĐ cần được xây dựng trên nền tảng hiểu biết và tư duy lý trí. Những tư tưởng của ông đã ảnh hưởng sâu sắc đến triết học giáo dục châu Âu và giữ nguyên giá trị trong giáo dục hiện đại cho đến ngày nay.

Trong báo cáo của UNESCO (2015) về “Giáo dục công dân toàn cầu” cũng nêu yêu cầu phát triển phẩm chất đạo đức như trách nhiệm, tôn trọng, bao dung và hợp tác toàn cầu trong chương trình học. UNESCO khuyến nghị các quốc gia cần tổ chức các hoạt động GDĐĐ thông qua dự án cộng đồng, đối thoại liên văn hoá, hoạt động tập thể, từ đó học sinh được rèn luyện đạo đức một cách tự nhiên qua thực tiễn.

Ngày nay, việc GDĐĐ cho học sinh trong nhà trường được các nước trên thế giới coi trọng và triển khai thực hiện nghiêm túc với mục đích hình thành nhân cách, thái độ sống tích cực và trách nhiệm cho học sinh. Ở Nhật Bản, GDĐĐ nhằm phát triển nhân cách học sinh theo chuẩn mực văn hoá quốc gia như tinh thần tập thể, tôn trọng người khác và ý thức kỷ luật. Ở Singapore và Hàn Quốc, GDĐĐ được tích hợp trong chương trình giáo dục công dân và nhân cách với mục tiêu hình thành công dân có trách nhiệm, có đạo đức, có năng lực sống trong xã hội đa văn hoá. Tại Hoa Kỳ, GDĐĐ thực hiện với mục tiêu phát triển các giá trị cốt lõi như tôn trọng, trách nhiệm, trung thực, công bằng và quan tâm.

Qua những nghiên cứu ở trên cho thấy rằng, GDĐĐ cho học sinh đã được tiếp cận từ rất lâu, theo nhiều hướng khác nhau. Những điểm chung của các nghiên cứu là nhấn mạnh vai trò của việc tổ chức các hoạt động gần gũi với đời sống học sinh, vai trò chủ đạo của GV và sự tham gia của các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường. Những quan điểm và mô hình GDĐĐ ở các quốc gia trên thế giới là nguồn tham khảo để có thể vận dụng vào thực tiễn theo thực tế của các địa phương.

2.2. Những nghiên cứu ở trong nước

Hoạt động GDĐĐ luôn giữ vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển nhân cách của học sinh, đặc biệt là lứa tuổi THCS là tuổi mà các em có sự chuyển biến mạnh mẽ về tâm sinh lý, dễ chịu ảnh hưởng của môi trường xã hội và có nguy cơ lệch chuẩn đạo đức. Do đó, việc nghiên cứu hoạt động GDĐĐ cho học trường THCS là nhiệm vụ trọng tâm trong công tác quản lý của các nhà trường phổ thông hiện nay. Việc quản lý hoạt động GDĐĐ cần phải tiếp cận theo hướng khoa học, toàn diện và gắn với thực tiễn tại địa phương. Hiện tại, đã có nhiều công trình nghiên cứu tiếp cận vấn đề này, cung cấp những cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng nhằm góp phần nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động GDĐĐ trong các nhà trường.

Năm 2020, tác giả Mai Đức Thắng với luận án “Quản lý GDĐĐ thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trung học phổ thông vùng kinh tế trọng điểm phía Nam” đã làm rõ khái niệm khoa học về hoạt động trải nghiệm, GDĐĐ thông qua hoạt động trải nghiệm, quản lý GDĐĐ thông qua hoạt động trải nghiệm, phát triển lý luận cơ bản để làm sáng tỏ về quản lý GDĐĐ thông qua hoạt động trải nghiệm. Nghiên cứu thực trạng quản lý hoạt động GDĐĐ thông qua hoạt động trải nghiệm ghi nhận một số tồn tại như phương pháp, hình thức tổ chức

còn hạn chế, chưa xây dựng được kế hoạch chi tiết cụ thể cho hoạt động, cũng như chưa có các biện pháp tích cực trong quản lý tổ chức thực hiện, chưa xây dựng được các tiêu chí kiểm tra cụ thể. Qua đó tác giả cũng đề xuất các biện pháp để góp phần nâng cao chất lượng GDĐĐ thông qua hoạt động trải nghiệm (Mai, 2020).

Trong Điều 2, Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, Chính phủ chỉ đạo thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông bảo đảm mục tiêu đổi mới như sau: “Đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông nhằm tạo chuyển biến căn bản, toàn diện về chất lượng và hiệu quả giáo dục phổ thông; kết hợp dạy chữ, dạy người và định hướng nghề nghiệp; góp phần chuyển nền giáo dục nặng về truyền thụ kiến thức sang nền giáo dục phát triển toàn diện cả về phẩm chất và năng lực, hài hòa đức, trí, thể, mỹ và phát huy tốt nhất tiềm năng của mỗi học sinh” (Quốc hội, 2014). Đặc biệt, Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 ban hành kèm theo thông tư 32/2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã cụ thể mục tiêu chương trình giáo dục của từng cấp học, đối với cấp THCS như sau: “Chương trình giáo dục THCS giúp học sinh phát triển các phẩm chất, năng lực đã được hình thành và phát triển ở cấp tiểu học, tự điều chỉnh bản thân theo các chuẩn mực chung của xã hội, biết vận dụng các phương pháp học tập tích cực để hoàn chỉnh tri thức và kỹ năng nền tảng, có những hiểu biết ban đầu về các ngành nghề và có ý thức hướng nghiệp để tiếp tục học lên trung học phổ thông, học nghề hoặc tham gia vào cuộc sống lao động” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018).

Năm 2024, tác giả Lê Kim Kiều đã nghiên cứu về thực trạng quản lý hoạt động GDĐĐ cho học sinh ở các trường THCS thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long đăng tải trên Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp. Nghiên cứu này đã chỉ ra, mặc dù đội ngũ CBQL và GV có ý thức trong việc tổ chức các hoạt động GDĐĐ, song công tác lập kế hoạch chỉ ở mức tương đối, việc lựa chọn các hình thức hoạt động GDĐĐ chưa được quan tâm đúng mức, thiếu các tiêu chí đánh giá cụ thể. Đồng thời, vai trò phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội còn mang tính hình thức, chưa có sự phối hợp hiệu quả (Lê, 2024).

Tổng quan những nghiên cứu trên đã cho thấy, công tác quản lý hoạt động GDĐĐ cho học sinh THCS cần được tiếp cận một cách toàn diện, lấy người học làm trung tâm, kết hợp giữa yêu cầu pháp lý, chuyên môn và tâm lý giáo dục. Do đó, có thể thấy sự cần thiết của việc tiếp tục nghiên cứu sâu hơn về thực trạng quản lý hoạt động GDĐĐ cho học sinh các trường THCS ở xã Hồ Tràm, thành phố Hồ Chí Minh, điều này có ý nghĩa trong việc góp phần xây dựng và đề xuất các biện pháp khả thi, phù hợp với đặc thù tại địa phương và yêu cầu đổi mới của giáo dục hiện nay.

3. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

3.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, nghiên cứu sản phẩm hoạt động để thu thập dữ liệu định lượng và định tính về thực trạng quản lý hoạt động GDĐĐ tại xã Hồ Tràm, thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Thu thập và xử lý dữ liệu

Bảng câu hỏi được soạn thảo dựa trên phần lý luận về quản lý hoạt động GDĐĐ cho học sinh các trường THCS. Dữ liệu được tiến hành thu thập tại 3 trường ở xã Hồ Tràm, thành

phố Hồ Chí Minh gồm trường THCS Chu Văn An, THCS Phước Tân, trường THCS Phước Thuận với tổng 51 CBQL và GV tham gia khảo sát.

Sau khi thu thập dữ liệu hoàn thành, tiến hành nhập liệu và xử lý số liệu bằng phương pháp thống kê toán học để làm tiền đề cho các bước phân tích, đánh giá tiếp theo. Tác giả sử dụng phần mềm Excel để xử lý dữ liệu, tính điểm trung bình và xếp hạng ưu tiên.

Các nội dung khảo sát bằng bảng hỏi được đánh giá theo 5 mức độ. Quy ước điểm số cho bảng hỏi được cụ thể hoá như sau:

Bảng 1. Bảng quy ước tính điểm cho bảng hỏi khảo sát

A (Mức 1 điểm)	B (Mức 2 điểm)	C (Mức 3 điểm)	D (Mức 4 điểm)	E (Mức 5 điểm)
Không tốt	Ít tốt	Bình thường	Tốt	Rất tốt

Áp dụng công thức tính điểm trung bình (ĐTB) cho từng yếu tố như sau:

$$\text{ĐTB} = \frac{A + 2B + 3C + 4D + 5E}{N}$$

Trong đó: A, B, C, D, E lần lượt số ý kiến chọn theo các mức độ đánh giá tương ứng, N là tổng số người được hỏi. Tác giả sử dụng thang đo Likert 5 mức độ để mã hoá từ 1 đến 5 điểm. Loại thang đo này cung cấp năm tùy chọn khác nhau để người trả lời khảo sát lựa chọn. Khi đó giá trị khoảng cách giữa các mức độ = $(\text{Max} - \text{Min})/N = (5-1)/5 = 0.8$. Do đó việc đánh giá các mức độ của từng yếu tố sẽ căn cứ vào giá trị trung bình của yếu tố đó. Cụ thể như sau: Mức Kém: $1,00 \leq \text{ĐTB} < 1,80$; Mức Yếu: $1,80 \leq \text{ĐTB} < 2,60$; Mức Trung bình: $2,60 \leq \text{ĐTB} < 3,40$; Mức Khá: $3,40 \leq \text{ĐTB} < 4,20$; Mức Tốt: $4,20 \leq \text{ĐTB} \leq 5,00$;

3.3. Phân tích và đánh giá dữ liệu

Đây là bước quan trọng nhằm sau khi đã có kết quả xử lý dữ liệu. Việc tiến hành phân tích các kết quả nhằm hiểu rõ thực trạng quản lý hoạt động GDĐĐ cho học sinh các trường THCS ở xã Hồ Tràm, thành phố Hồ Chí Minh, chỉ ra được những mặt làm được, những tồn tại. Từ những phân tích đó, rút ra được nhận định khoa học về thực trạng của việc quản lý hoạt động GDĐĐ cho học sinh các trường THCS trên địa bàn. Toàn bộ quá trình phân tích, đánh giá được thực hiện một cách khách quan, logic và có số liệu rõ ràng cho công tác nghiên cứu.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh các trường trung học cơ sở ở xã Hồ Tràm, thành phố Hồ Chí Minh

4.1.1. Thực trạng về vai trò của chủ thể quản lý trong công tác quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh các trường trung học cơ sở ở xã Hồ Tràm, thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 2. Kết quả khảo sát về vai trò của chủ thể quản lý trong công tác quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh các trường trung học cơ sở ở xã Hồ Tràm, Thành phố Hồ Chí Minh

TT	Nội dung	Mức độ					ĐTB	Xếp hạng
		1	2	3	4	5		
1	Định hướng chiến lược GDĐĐ cho học sinh trong nhà trường	0	2	14	19	16	3,96	1

TT	Nội dung	Mức độ					ĐTB	Xếp hạng
		1	2	3	4	5		
2	Xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động GDĐĐ cho học sinh	0	8	14	18	11	3,63	3
3	Đổi mới nội dung, hình thức GDĐĐ	3	7	18	13	10	3,39	4
4	Kiểm tra, đánh giá hiệu quả hoạt động GDĐĐ	4	13	14	12	8	3,14	6
5	Điều phối các nguồn lực phục vụ cho hoạt động GDĐĐ	6	13	12	11	9	3,08	7
6	Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, dân chủ và nhân văn	0	7	13	13	14	3,75	2
7	Phối hợp gia đình – nhà trường – xã hội trong GDĐĐ	5	12	13	11	10	3,18	5
ĐTB chung							3,45	

Bảng 2 cho thấy kết quả khảo sát 51 CBQL, GV về vai trò hiệu trưởng trong quản lý hoạt động GDĐĐ cho học sinh các trường THCS ở xã Hồ Tràm. Các nội dung trong bảng được đánh giá ở mức khá với ĐTB chung 3.45. Tuy nhiên, giữa các nội dung vẫn có sự khác biệt, nội dung được đánh giá cao nhất là “Định hướng chiến lược GDĐĐ cho học sinh trong nhà trường” với ĐTB là 3,96, xếp hạng 1 và “Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, dân chủ, nhân văn” với ĐTB đạt 3,75, xếp hạng 2. Điều này cho thấy đội ngũ nhà trường nhận thức rõ tầm quan trọng của việc hiệu trưởng đề ra định hướng chiến lược và xây dựng môi trường giáo dục tích cực. Nội dung “Xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động GDĐĐ cho học sinh” có ĐTB 3,63, hạng 3 và “Đổi mới nội dung, hình thức GDĐĐ” đạt 3,39, hạng 4, phản ánh nỗ lực nhất định trong triển khai hoạt động cũng như đổi mới phương thức GDĐĐ, dù mức độ chưa thật nổi bật.

Ngược lại, nội dung “Điều phối các nguồn lực phục vụ cho hoạt động GDĐĐ” được đánh giá thấp nhất với ĐTB 3,08 xếp hạng 7. Hiệu trưởng chưa phát huy hiệu quả trong việc huy động các nguồn lực cho GDĐĐ hoặc lĩnh vực này chưa được quan tâm đúng mức. Bên cạnh đó, công tác “Kiểm tra, đánh giá hiệu quả hoạt động GDĐĐ” cũng có ĐTB khá thấp 3,14, hạng 6, cho thấy việc giám sát, đánh giá chưa được thực hiện thường xuyên. Mức độ “Phối hợp gia đình – nhà trường – xã hội trong GDĐĐ” đạt 3.20 hạng 5, chứng tỏ sự liên kết với phụ huynh và cộng đồng trong GDĐĐ còn hạn chế.

Nhìn chung, những nội dung mang tính kiểm tra, huy động nguồn lực và phối hợp lực lượng giáo dục của hiệu trưởng đang là mặt hạn chế trong quản lý GDĐĐ. Thực trạng này đòi hỏi hiệu trưởng phải có giải pháp khắc phục kịp thời, đặc biệt cần chú trọng tăng cường huy động các nguồn lực phục vụ GDĐĐ nhằm khắc phục những hạn chế nêu trên, góp phần nâng cao hiệu quả GDĐĐ trong thời gian tới.

4.1.2. Thực trạng lập kế hoạch hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh các trường trung học cơ sở ở xã Hồ Tràm, thành phố Hồ Chí Minh

Công tác lập kế hoạch luôn giữ vai trò định hướng, bảo đảm tính chủ động và hiệu quả trong quản lý hoạt động GDĐĐ học sinh trong nhà trường. Để đánh giá thực trạng lập kế hoạch hoạt động GDĐĐ cho học sinh các trường THCS ở xã Hồ Tràm, thành phố Hồ Chí Minh, tác giả đã tiến hành khảo sát 51 CBQL, GV với kết quả cụ thể như sau:

Bảng 3. Kết quả khảo sát cán bộ quản lý, giáo viên về thực trạng lập kế hoạch hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh các trường trung học cơ sở ở xã Hồ Tràm, Thành phố Hồ Chí Minh

TT	Nội dung	Mức độ					ĐTB	Xếp hạng
		1	2	3	4	5		
1	Khảo sát thực trạng hoạt động GDĐĐ	0	5	18	15	13	3,71	1
2	Phân tích, đánh giá ưu điểm và hạn chế của GDĐĐ trước đó	0	9	16	16	10	3,53	2
3	Xác định mục tiêu cho hoạt động GDĐĐ	5	12	14	11	9	3,14	5
4	Xây dựng các yêu cầu, chỉ tiêu	3	7	17	14	10	3,41	3
5	Lựa chọn nội dung, hình thức phù hợp	6	14	12	11	8	3,02	6
6	Phân công nhiệm vụ và phân cấp quản lý	3	11	16	10	11	3,29	4
ĐTB chung							3,35	

Bảng 3 là kết quả khảo sát 51 CBQL, GV cho thấy ĐTB chung về công tác lập kế hoạch hoạt động GDĐĐ đạt 3,35, phản ánh hoạt động này đã được triển khai thường xuyên nhưng chưa thật sự đồng bộ và hiệu quả.

Trong các nội dung khảo sát, “Khảo sát thực trạng hoạt động GDĐĐ” đạt ĐTB là 3,71, cao nhất, cho thấy các nhà trường đã chú trọng việc tìm hiểu thực tế trước khi xây dựng kế hoạch. Tuy nhiên, tỉ lệ đánh giá “bình thường” còn cao chiếm 35,3%, cho thấy công tác khảo sát còn hình thức, chưa khai thác sâu dữ liệu thực tế. Nội dung “Phân tích, đánh giá ưu điểm và hạn chế của GDĐĐ trước đó” đạt 3,53 điểm, phản ánh các trường có tổng kết định kỳ nhưng chủ yếu mô tả kết quả, chưa phân tích nguyên nhân để làm cơ sở điều chỉnh kế hoạch.

Các nội dung “Xây dựng các yêu cầu, chỉ tiêu” có ĐTB là 3,41 được đánh giá ở mức khá và “Phân công nhiệm vụ và phân cấp quản lý”, “Xác định mục tiêu cho hoạt động GDĐĐ” với ĐTB là 3,29 và 3,14 điểm được đánh giá ở mức trung bình khá, cho thấy quy trình lập kế hoạch chưa được chuẩn hóa, việc phân định trách nhiệm giữa các thành viên còn chung chung. Đặc biệt, “Lựa chọn nội dung, hình thức phù hợp” đạt 3,02 điểm, thấp nhất, phản ánh sự thiếu linh hoạt và sáng tạo trong lựa chọn chủ đề, phương thức giáo dục phù hợp đặc thù học sinh và điều kiện thực tế.

Nhìn chung, công tác lập kế hoạch GDĐĐ ở các trường THCS xã Hồ Tràm, thành phố Hồ Chí Minh còn nặng về hình thức, thiếu chiều sâu và tính dự báo, các bước trong quy trình còn rời rạc, chưa gắn kết với thực tiễn. Do đó, cần nâng cao năng lực lập kế hoạch cho CBQL, GV, chuẩn hóa quy trình và gắn kế hoạch với mục tiêu phát triển phẩm chất học sinh, nhằm nâng cao tính khả thi và hiệu quả trong triển khai.

4.1.3. Thực trạng tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh các trường trung học cơ sở ở xã Hồ Tràm, thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 4. Kết quả khảo sát cán bộ quản lý, giáo viên về thực trạng tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh các trường trung học cơ sở ở xã Hồ Tràm, Thành phố Hồ Chí Minh

TT	Nội dung	Mức độ					ĐTB	Xếp hạng
		1	2	3	4	5		
1	Triển khai kế hoạch GDĐĐ đến các thành viên, các bộ phận có liên quan trong và ngoài nhà trường	0	8	16	12	15	3,67	1
2	Triển khai kế hoạch GDĐĐ đến các lực lượng ngoài nhà trường	2	10	14	11	14	3,49	2
3	Phân công nhiệm vụ, phân cấp quản lý rõ ràng cho các bộ phận, các thành viên có liên quan	4	11	13	10	13	3,33	3
4	Xác định rõ vai trò, nhiệm vụ của các lực lượng tham gia	7	8	10	15	11	3,29	4
5	Tổ chức thực hiện GDĐĐ thông qua bài giảng các môn học và các hoạt động thực tiễn phù hợp	7	13	11	11	9	3,04	6
6	Đầu tư kinh phí, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động GDĐĐ	6	13	12	9	11	3,12	5
ĐTB chung							3,32	

Bảng 4 là kết quả khảo sát 51 CBQL, GV cho thấy ĐTB chung đạt 3,32, phản ánh công tác tổ chức thực hiện kế hoạch GDĐĐ cho học sinh đã được triển khai thường xuyên nhưng chưa đạt hiệu quả đồng đều giữa các nội dung.

Đầu tiên, nội dung “Triển khai kế hoạch GDĐĐ đến các thành viên, các bộ phận có liên quan trong nhà trường” được đánh giá cao nhất với ĐTB là 3,67, cho thấy công tác phổ biến, quán triệt kế hoạch trong nội bộ nhà trường đã được chú trọng. Tuy nhiên, tỉ lệ ý kiến ở mức “Bình thường” vẫn chiếm 31,4%, cho thấy việc triển khai tuy được thực hiện nhưng chưa thật sâu, còn tình trạng một số GV chưa nắm rõ mục tiêu, yêu cầu cụ thể của kế hoạch.

Nội dung “Triển khai kế hoạch GDĐĐ đến các lực lượng ngoài nhà trường” đạt ĐTB là 3,49, xếp hạng 2. Kết quả này thể hiện nhà trường đã có sự phối hợp bước đầu với các tổ chức đoàn thể, chính quyền và hội cha mẹ học sinh trong hoạt động GDĐĐ. Tuy nhiên, mức điểm chưa cao cho thấy sự phối hợp này còn mang tính hình thức, chưa thường xuyên, chưa phát huy vai trò của các lực lượng xã hội trong việc hỗ trợ GDĐĐ cho học sinh.

Các nội dung “Phân công nhiệm vụ, phân cấp quản lý rõ ràng cho các bộ phận, các thành viên có liên quan” với ĐTB là 3,33 và “Xác định vai trò, nhiệm vụ của các lực lượng tham gia” có ĐTB là 3,29 được đánh giá ở mức trung bình khá. Điều đó cho thấy các trường đã có sự phân công, giao nhiệm vụ nhưng đôi khi còn chồng chéo, chưa quy định cụ thể trách

nhệm của từng bộ phận; một số GV vẫn thực hiện theo chỉ đạo chung, chưa thật chủ động hoặc thiếu trách nhiệm cụ thể.

Trong khi đó, “Tổ chức thực hiện GDĐĐ thông qua bài giảng các môn học và các hoạt động thực tiễn phù hợp” có ĐTB thấp là 3,04, phản ánh rõ hạn chế trong việc tích hợp nội dung GDĐĐ vào các môn học và hoạt động trải nghiệm. Việc lồng ghép nội dung đạo đức trong bài giảng của GV đã được thực hiện nhưng còn nặng lý thuyết, thiếu tính trải nghiệm và gắn kết với thực tế đời sống học sinh. Bên cạnh đó, “Đầu tư kinh phí, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động GDĐĐ” đạt ĐTB là 3,12, phản ánh nguồn lực vật chất còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới hoạt động GDĐĐ trong bối cảnh hiện nay.

Nhìn chung, thực trạng tổ chức thực hiện hoạt động GDĐĐ cho học sinh các trường THCS ở xã Hồ Tràm dừng ở mức độ trung bình khá, chưa đồng bộ và thiếu tính đột phá. Nhà trường đã làm tốt khâu định hướng và phổ biến kế hoạch, tạo sự đồng thuận ban đầu, nhưng ở khâu triển khai cụ thể thì hiệu quả còn hạn chế. Việc tích hợp GDĐĐ vào bài giảng và hoạt động thực tiễn chưa sâu, phương pháp thực hiện chậm đổi mới, cộng với nguồn lực hỗ trợ chưa đáp ứng đủ. Thực trạng này đòi hỏi các trường phải sớm có các định hướng, biện pháp phù hợp để nâng cao chất lượng GDĐĐ cho học sinh trong thời gian tới.

4.1.4. Thực trạng chỉ đạo thực hiện hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh các trường trung học cơ sở ở xã Hồ Tràm, thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 5. Kết quả khảo sát cán bộ quản lý, giáo viên về thực trạng chỉ đạo thực hiện hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh các trường trung học cơ sở ở xã Hồ Tràm, thành phố Hồ Chí Minh

TT	Nội dung	Mức độ					ĐTB	Xếp hạng
		1	2	3	4	5		
1	Chỉ đạo các bộ phận xây dựng kế hoạch, chương trình GDĐĐ	2	7	10	18	14	3,69	1
2	Chỉ đạo các bộ phận thực hiện GDĐĐ qua các môn học, các hoạt động thực tiễn	3	10	14	14	10	3,35	3
3	Theo dõi, hỗ trợ và khích lệ các bộ phận tích cực đổi mới phương pháp GDĐĐ	3	7	14	15	12	3,51	2
4	Chỉ đạo tăng cường cơ sở vật chất, tài chính phục vụ hoạt động GDĐĐ	4	13	11	14	9	3,22	5
5	Chỉ đạo các bộ phận thực hiện công tác đánh giá kết quả GDĐĐ phù hợp	7	12	14	10	8	3,00	6
6	Thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	6	11	12	9	13	3,24	4
ĐTB chung							3,33	

Khảo sát 51 CBQL, GV cho thấy công tác chỉ đạo thực hiện kế hoạch GDĐĐ tại các trường THCS ở xã Hồ Tràm có sự phân hóa rõ rệt giữa những mặt được quan tâm và những khâu còn bỏ ngỏ. ĐTB chung các nội dung là 3,33, phản ánh nỗ lực nhất định trong khâu định hướng nhưng cũng lộ rõ nhiều khoảng trống trong tổ chức và điều hành.

Trong các nội dung khảo sát, “Chỉ đạo các bộ phận xây dựng kế hoạch, chương trình GDĐĐ” đạt ĐTB là 3,69, xếp thứ nhất, cho thấy Hiệu trưởng đã quan tâm định hướng, chú trọng tạo khung kế hoạch giáo dục tổng thể, giúp các bộ phận có định hướng chung ngay từ đầu năm học, chỉ đạo các bộ phận xây dựng các kế hoạch chi tiết cho các hoạt động GDĐĐ cụ thể có liên quan. Tuy nhiên, vẫn còn gần 34% ý kiến ở mức “ít tốt” và “bình thường”, phản ánh việc chỉ đạo đôi khi còn hình thức, chưa đi sâu vào hướng dẫn cụ thể và chưa có kiểm tra, giám sát thường xuyên.

Nội dung “Theo dõi, hỗ trợ và khích lệ các bộ phận tích cực đổi mới phương pháp GDĐĐ” có ĐTB là 3,51, xếp thứ hai, thể hiện sự khuyến khích của ban giám hiệu đối với các hoạt động đổi mới phương pháp giáo dục. Tuy nhiên, tỷ lệ “bình thường” chiếm 27,5%, cho thấy việc hỗ trợ và phản hồi sau hoạt động còn hạn chế, chưa hình thành cơ chế khuyến khích rõ ràng.

Ở nội dung “Chỉ đạo bộ phận thực hiện GDĐĐ qua các môn học, các hoạt động thực tiễn” đạt ĐTB là 3,35, xếp thứ ba, phản ánh nhà trường đã bước đầu quan tâm đến việc tích hợp GDĐĐ trong giảng dạy và hoạt động trải nghiệm. Tuy nhiên, mức điểm chưa cao cho thấy việc chỉ đạo còn mang tính chung chung, GV bộ môn chưa được hướng dẫn cụ thể về phương pháp và nội dung lồng ghép phù hợp, việc giáo dục qua các môn học còn nặng về lý thuyết và thiếu tính trải nghiệm thực tiễn.

Các nội dung “Thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình, xã hội” (ĐTB = 3,24, xếp hạng 4), “Chỉ đạo tăng cường cơ sở vật chất, tài chính phục vụ hoạt động GDĐĐ” (ĐTB = 3,22, xếp hạng 5) và “Chỉ đạo công tác đánh giá kết quả GDĐĐ phù hợp” (ĐTB = 3,00, xếp hạng 6) được đánh giá thấp hơn, cho thấy công tác phối hợp các lực lượng giáo dục, huy động nguồn lực và đánh giá hiệu quả GDĐĐ còn nhiều hạn chế. Việc đánh giá chủ yếu dựa trên nhận xét cảm tính, thiếu công cụ đo lường cụ thể để phản ánh sự tiến bộ trong hành vi và thái độ của học sinh.

Tổng thể, công tác chỉ đạo thực hiện hoạt động GDĐĐ cho học sinh các trường THCS ở xã Hồ Tràm còn nặng về khâu lập kế hoạch ban đầu, nhưng yếu trong khâu đồng hành, hỗ trợ và điều chỉnh. Nhiều hoạt động chỉ đạo mang tính hành chính, thiếu sự linh hoạt, sáng tạo. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải đổi mới cách thức chỉ đạo, định hướng phù hợp giúp nâng cao hiệu quả quản lý GDĐĐ trong giai đoạn hiện nay.

4.1.5. Thực trạng kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh các trường trung học cơ sở ở xã Hồ Tràm, thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 6. Kết quả khảo sát cán bộ quản lý, giáo viên về thực trạng kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh các trường trung học cơ sở ở xã Hồ Tràm, thành phố Hồ Chí Minh

TT	Nội dung	Mức độ					ĐTB	Xếp hạng
		1	2	3	4	5		
1	Thực hiện kiểm tra, đánh giá hoạt động GDĐĐ thông qua việc tự kiểm tra và sự phản hồi của các lực lượng khác	1	8	14	16	12	3,59	1
2	Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ, đột xuất	3	9	13	14	12	3,45	2

TT	Nội dung	Mức độ					ĐTB	Xếp hạng
		1	2	3	4	5		
3	Sơ kết, tổng kết và đánh giá rút kinh nghiệm việc thực hiện kế hoạch	4	13	11	13	10	3,24	3
4	Khen thưởng, động viên kịp thời những kết quả tốt của cá nhân và tập thể	5	13	12	12	10	3,17	4
5	Có hành động kịp thời để điều chỉnh những biểu hiện chưa tốt, chưa có tinh thần trách nhiệm trong việc thực hiện GDĐĐ	5	14	12	11	9	3,10	5
ĐTB chung							3,31	

Bảng 6 là kết quả khảo sát 51 CBQL, GV cho thấy công tác kiểm tra, đánh giá việc thực hiện hoạt động GDĐĐ cho học sinh các trường THCS ở xã Hồ Tràm đạt mức trung bình khá là 3,31. Điều này cho thấy hoạt động kiểm tra, đánh giá đã được các trường THCS ở xã Hồ Tràm quan tâm triển khai thường xuyên, bước đầu phát huy được vai trò theo dõi và điều chỉnh trong quá trình quản lý. Tuy nhiên, mức độ thực hiện giữa các nội dung vẫn chưa đồng đều, một số hoạt động còn nặng về hình thức, thiếu chiều sâu và tính phản hồi thực chất.

Trong nội dung “Thực hiện kiểm tra, đánh giá hoạt động GDĐĐ thông qua việc tự kiểm tra và sự phản hồi của các lực lượng khác” đạt ĐTB là 3,59, xếp thứ nhất, cho thấy nhà trường đã chú trọng khâu tự giám sát, kết hợp lấy ý kiến phản hồi từ bộ phận khác. Tuy nhiên, tỷ lệ ý kiến ở mức “bình thường” và “ít tốt” vẫn chiếm tới 43,2%, phản ánh rằng hoạt động này chưa trở thành quy trình thường xuyên, việc tự đánh giá chủ yếu phục vụ mục đích hành chính hơn là cải tiến thực chất chất lượng GDĐĐ. Nội dung “Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ, đột xuất” đạt ĐTB là 3,45, xếp thứ hai, cho thấy công tác kiểm tra đã có nề nếp và được duy trì trong năm học. Tuy nhiên, nội dung kiểm tra còn thiên về hồ sơ, kế hoạch, chưa tập trung đánh giá quá trình hình thành và phát triển phẩm chất đạo đức của học sinh thông qua các hoạt động thực tế.

Tiếp tục, với nội dung “Sơ kết, tổng kết và đánh giá rút kinh nghiệm việc thực hiện kế hoạch” có ĐTB là 3,24, xếp thứ ba, phản ánh các trường đã thực hiện tổng kết định kỳ nhưng chưa coi đây là công cụ quan trọng để điều chỉnh và nâng cao hiệu quả quản lý. Việc rút kinh nghiệm còn sơ sài, chủ yếu dừng ở việc tổng hợp số liệu, chưa phân tích sâu nguyên nhân và đề xuất biện pháp cụ thể cho giai đoạn tiếp theo.

Hai nội dung có mức điểm thấp nhất là “Khen thưởng, động viên kịp thời các cá nhân, tập thể có kết quả tốt” (ĐTB = 3,17, xếp hạng 4) và “Có hành động kịp thời điều chỉnh những biểu hiện chưa tốt trong việc thực hiện GDĐĐ” (ĐTB = 3,10, xếp hạng 5). Điều này phản ánh hạn chế phổ biến ở nhiều trường: công tác khen thưởng, xử lý sau kiểm tra chưa được tiến hành kịp thời và chưa đủ sức khích lệ, răn đe, dẫn đến hiệu quả điều chỉnh hành vi chưa cao.

Nhìn chung, công tác kiểm tra, đánh giá việc thực hiện hoạt động GDĐĐ cho học sinh các trường THCS ở xã Hồ Tràm còn nhiều hạn chế, mang tính định kỳ, hình thức, chưa bám sát quá trình và thiếu sự tham gia tích cực từ các lực lượng ngoài nhà trường. Quá trình phản hồi sau đánh giá cũng chưa kịp thời, đầy đủ. Thực tế này đòi hỏi có biện pháp quản lý khắc phục, trọng tâm là tăng cường kiểm tra, đánh giá theo quá trình, bảo đảm phản hồi đa chiều và ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động GDĐĐ.

4.2. Đánh giá chung về thực trạng quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh các trường trung học cơ sở xã Hồ Tràm, thành phố Hồ Chí Minh

4.2.1. Mặt mạnh

Công tác lập kế hoạch GDĐĐ được thực hiện tương đối bài bản. Ban Giám hiệu đã xây dựng kế hoạch GDĐĐ cho học sinh trong kế hoạch tổng thể của nhà trường. Các bộ phận cũng xây dựng kế hoạch GDĐĐ gắn với từng hoạt động cụ thể. Nhờ có kế hoạch, các hoạt động GDĐĐ diễn ra có định hướng và có sự phối hợp giữa các bộ phận.

Các nhà trường đã triển khai các hình thức và phương pháp GDĐĐ phù hợp với đối tượng học sinh THCS. Cụ thể, việc tích hợp GDĐĐ trong các môn học và xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh được thực hiện khá hiệu quả.

Hiệu trưởng các trường cũng đã có chỉ đạo các cá nhân, tập thể thực hiện tốt kế hoạch GDĐĐ học sinh. Trong quá trình thực hiện cũng có những điều chỉnh cho phù hợp thực tế.

Công tác kiểm tra đánh giá việc thực hiện hoạt động GDĐĐ cũng được quan tâm thực hiện bằng nhiều hình thức như công tác tự kiểm tra của hiệu trưởng, báo cáo của các bộ phận. Có động viên khen thưởng và nhắc nhở kịp thời.

Một điểm mạnh nữa là công tác chỉ đạo và phối hợp trong GDĐĐ bước đầu đạt hiệu quả. Ban Giám hiệu quan tâm chỉ đạo GV chủ nhiệm và các tổ chức đoàn thể trong trường cùng tham gia GDĐĐ cho học sinh. Nhà trường cũng thiết lập mối liên hệ thường xuyên với phụ huynh học sinh để trao đổi thông tin về tình hình rèn luyện của các em.

4.2.2. Mặt hạn chế

Về công tác kế hoạch hóa, kế hoạch GDĐĐ của nhà trường tuy có xây dựng nhưng còn chưa sâu sát thực tế, đôi lúc mang tính hình thức. Kế hoạch thường lặp lại khuôn mẫu hàng năm, chưa phân tích đầy đủ nhu cầu GDĐĐ xuất phát từ đặc điểm tâm lý, hoàn cảnh của học sinh địa phương. Mục tiêu đề ra trong kế hoạch còn chung chung, thiếu các chỉ tiêu cụ thể để đánh giá mức độ chuyển biến về đạo đức của học sinh. Việc lập kế hoạch đôi khi chưa có sự tham gia ý kiến rộng rãi của GV và phụ huynh, nên chưa huy động được tối đa trí tuệ tập thể và chưa tạo được sự đồng thuận cao. Do đó, kế hoạch GDĐĐ chưa thực sự là kim chỉ nam hiệu quả cho mọi hoạt động, ảnh hưởng đến tính đồng bộ và tính chủ động trong triển khai.

Nhà trường chưa tổ chức được nhiều hoạt động ngoại khóa phong phú hoặc nếu có thì hiệu quả giáo dục chưa cao, chưa thu hút được sự hứng thú và tham gia tích cực của học sinh.

Nhà trường còn lúng túng trong việc giáo dục học sinh về đạo đức, lối sống trên môi trường internet, mạng xã hội, một lĩnh vực ngày càng quan trọng trong đời sống học sinh hiện nay. Bên cạnh đó, các phương pháp giáo dục hiện đại như tổ chức hoạt động nhóm, thảo luận tình huống đạo đức, đối thoại cởi mở với học sinh chưa được GV sử dụng thường xuyên. GDĐĐ đôi khi còn khô cứng, thiếu sinh động, chưa gắn với những tình huống đạo đức thực tế mà học sinh quan tâm.

Công tác chỉ đạo và kiểm tra đánh giá việc GDĐĐ của Ban Giám hiệu chưa thật sự quyết liệt và thường xuyên. Việc phân công trách nhiệm có tập trung vào GV chủ nhiệm và Tổng phụ trách, nhưng Ban Giám hiệu chưa huy động hiệu quả tất cả các bộ phận, đặc biệt là các tổ chuyên môn và GV bộ môn, cùng tham gia vào công tác GDĐĐ. Sự phối hợp bên trong nhà trường chưa đồng bộ: GV bộ môn ít tham gia các hoạt động GDĐĐ ngoài giờ lên lớp, còn xem đó không thuộc chức năng của mình.

Cuối cùng, sự phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong GDĐĐ tuy có cải thiện nhưng vẫn chưa chặt chẽ và hiệu quả như mong muốn. Không ít phụ huynh bận rộn với

mưu sinh, phó mặc việc giáo dục con cái cho nhà trường; việc trao đổi thông tin hai chiều nhiều khi chưa kịp thời, đặc biệt với các phụ huynh ít quan tâm. Sự tham gia của các tổ chức, đoàn thể địa phương vào hoạt động GDĐĐ còn mờ nhạt. Nhà trường hầu như chưa huy động được nguồn lực xã hội hóa cho công tác này.

4.2.3. Nguyên nhân

Sự chỉ đạo còn thiếu kiên quyết, đôi lúc thiên về khẩu hiệu hơn là hành động cụ thể. Giáo viên chưa được bồi dưỡng chuyên sâu về nghiệp vụ GDĐĐ, kỹ năng sư phạm trong xử lý các tình huống giáo dục còn hạn chế, nên ngại đổi mới phương pháp.

Áp lực dạy học kiến thức văn hóa và thi cử khiến GV dành phần lớn thời gian cho chuyên môn, vô hình trung xem nhẹ hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, trong đó có GDĐĐ.

Bên cạnh đó, công tác kế hoạch hóa, kiểm tra nội bộ trường học về GDĐĐ chưa được thiết lập thành nề nếp bài bản; thiếu các tiêu chí, quy định cụ thể để đánh giá mức độ thực hiện, dẫn đến việc thực hiện chưa nghiêm.

Một nguyên nhân chủ quan nữa là điều kiện cơ sở vật chất và tài liệu hỗ trợ cho GDĐĐ còn hạn chế. Trường học thiếu không gian cho hoạt động ngoại khóa, thiếu kinh phí tổ chức các chuyên đề, cũng như chưa có nhiều tài liệu, học cụ trực quan sinh động phục vụ giảng dạy đạo đức. Tất cả những yếu tố nội tại này làm giảm hiệu quả quản lý hoạt động GDĐĐ.

Môi trường gia đình của một bộ phận học sinh chưa thật sự là nền tảng vững chắc về giáo dục nhân cách. Nhiều cha mẹ mãi lo kinh tế, ít dành thời gian quan tâm uốn nắn con; một số gia đình chưa làm gương tốt hoặc buông lỏng quản lý, khiến trẻ thiếu thốn sự GDĐĐ liên tục từ nhỏ.

Những hiện tượng tiêu cực ngoài xã hội như bạo lực, tệ nạn, lối sống thực dụng len lỏi vào học đường; trào lưu lệch lạc trên mạng xã hội, các sản phẩm văn hóa độc hại, game bạo lực tràn ngập đã lôi cuốn học sinh và tạo nên những thách thức mới cho công tác GDĐĐ. Nhà trường khó kiểm soát hết những ảnh hưởng này trong khi sự phối hợp hỗ trợ từ cộng đồng chưa đủ mạnh.

5. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy công tác quản lý hoạt động GDĐĐ cho học sinh các trường THCS ở xã Hồ Tràm, thành phố Hồ Chí Minh đã thể hiện sự quan tâm của đội ngũ CBQL và GV đối với việc hình thành và phát triển phẩm chất, nhân cách học sinh. Các chức năng quản lý như lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra, đánh giá đều được triển khai tương đối đồng bộ, góp phần duy trì nề nếp, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các lực lượng giáo dục trong nhà trường. Tuy nhiên, thực tiễn cũng cho thấy một số hạn chế đáng chú ý như công tác lập kế hoạch còn mang tính hình thức, thiếu tính dự báo; việc chỉ đạo, kiểm tra chưa sâu sát, thiếu phản hồi và cơ chế điều chỉnh kịp thời. Từ kết quả nghiên cứu, có thể khẳng định rằng việc nâng cao năng lực quản lý, đổi mới công tác xây dựng kế hoạch, phương thức chỉ đạo và kiểm tra, đánh giá là yêu cầu cấp thiết nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động GDĐĐ cho học sinh các trường THCS ở xã Hồ Tràm, thành phố Hồ Chí Minh trong bối cảnh triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục hiện nay.

Tài liệu tham khảo

Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành chương trình giáo dục phổ thông mới*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2020). *Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học*.
- Bùi, M. H. (Chủ biên) & Nguyễn, Q. T. (2016). *Lịch sử giáo dục thế giới*. Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm.
- Lê, K. K. (2024). Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh ở các trường trung học cơ sở thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 13(02S), 265–275.
- Mai, Đ. T. (2020). *Quản lý giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trung học phổ thông vùng kinh tế trọng điểm phía Nam*. Luận án tiến sĩ Quản lý giáo dục. Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên.
- Quốc hội. (2014). *Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông*.
- Quốc hội. (2019). *Luật Giáo dục năm 2019, số 43/2019/QH14, ban hành ngày 14/6/2019*.
- UNESCO. (2015). *Global citizenship education: Topics and learning objectives*. Paris: United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization.